

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Mai

2. Ông Lý Quốc Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ngọc Y, sinh năm 1990; Địa chỉ: xã T, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hữu L, sinh năm 1989; Địa chỉ: xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Bà Y có mặt, ông L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y trình bày:* Bà Y và ông L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An vào ngày 16/7/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Lê Thị Bảo N, sinh ngày 12/9/2017. Đến giữa năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng

về quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình, vợ chồng không thể hòa hợp được, tình trạng mâu thuẫn trầm trọng nên bà Y và ông L đã ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Nay bà Y nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà Y yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà Y yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Con chung hiện đang do bà Y chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi ly thân cho đến nay. Bà Y yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của bị đơn ông Lê Hữu L:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lê Hữu L vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Thị Ngọc Y và ông Lê Hữu L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An vào ngày 16/7/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông L là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lê Hữu L cư trú tại xã Tân Thành, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Hữu L: Xét thấy ông Lê Hữu L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Lê Hữu L.

[3] Về hôn nhân:

Tại phiên tòa, bà Y xác định không còn tình cảm với ông L, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và kiên quyết yêu cầu

được ly hôn. Xét thấy, ông L đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nộp văn bản thể hiện ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên có đủ căn cứ xác định ông L không quan tâm, không có thiện chí, không mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn đoàn tụ với bà Y. Như vậy, lời trình bày của bà Y về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà Y với ông L đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Y và ông L có 01 con chung tên Lê Thị Bảo N, sinh ngày 12/9/2017. Tại phiên tòa, bà Y giữ nguyên yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy con chung do bà Y đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện nay con chung dưới 36 tháng tuổi, ông L đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nộp văn bản thể hiện ý kiến và yêu cầu tranh chấp nuôi con chung. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện bà Y yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, tại phiên tòa bà Y yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000 đồng/tháng. Bà Y trình bày ông L hiện nay có nghề nghiệp là đầu bếp (nhận nấu đám tiệc) và có phụ giúp gia đình làm ruộng, còn bà Y là giáo viên với mức thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng.

Xét thấy ông L không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình. Mặc dù không có tài liệu chứng minh thu nhập cụ thể của ông L nhưng xét độ tuổi của con chung và điều kiện tối thiểu để nuôi dưỡng con chung trong giai đoạn hiện nay thì mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng theo yêu cầu của bà Y là phù hợp, đảm bảo chi phí tối thiểu để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y, buộc ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Ngọc Y xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Lê Hữu L không nộp văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Y phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng. Bị đơn ông Lê Hữu L phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc Y đối với ông Lê Hữu L.

- Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Ngọc Y ly hôn ông Lê Hữu L.

- Về con chung: Giao con chung Lê Thị Bảo N, sinh ngày 12/9/2017 cho bà Lê Thị Ngọc Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Lê Hữu L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Ngọc Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) sung vào công quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003107 ngày 21/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ông Lê Hữu L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) sung vào công quỹ Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Ngọc Y có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Hữu L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- **UBND xã T, huyện Mộc Hóa;**
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Trọng